

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	9762050	9762050	2977330	2977330	30.5	30.5
I	Các khoản thu 100%	134000	134000	659446	659446	492.12	492.12
1	Phí, lệ phí	18000	18000	2541	2541	14.12	14.12
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	56000	56000	644532	644532	1150.95	1150.95
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			12100	12100		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	60000	60000	273	273	0.46	0.46
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4997000	4997000	176458	176458	3.53	3.53
1	Các khoản thu phân chia	281000	281000	28686	28686	10.21	10.21
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	60000	60000				
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	21000	21000	19000	19000	90.48	90.48
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	200000	200000	9686	9686	4.84	4.84
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	4716000	4716000	147773	147773	3.13	3.13
21	Thu tiền sử dụng đất	4500000	4500000	80631	80631	1.79	1.79
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng	136000	136000	42198	42198	31.03	31.03
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	80000	80000	24944	24944	31.18	31.18
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			866676	866676		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4631050	4631050	1274750	1274750	27.53	27.53
1	Thu bổ sung cân đối	4556300	4556300	1200000	1200000	26.34	26.34
2	Thu bổ sung có mục tiêu	74750	74750	74750	74750	100	100